

Số: 40/2018/HSST

Ngày: 10-7-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HS ngày 22/6/2018 đối với bị cáo:

Tăng Hồng N, tên gọi khác: P, giới tính: Nam; sinh năm: 1988; tại: tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, Hện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tăng Thanh H, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/9/2017 cho đến nay, có mặt.

***Bị hại:** Anh Nghiêm Xuân H, sinh năm: 1992.

Cư trú: Đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tăng Hồng N và anh Nghiêm Xuân H có quen biết nhau từ khoảng tháng 7 năm 2016 và thường hẹn nhau cùng đi chơi. Trong quá trình quen biết nhau thì N biết H thường sử dụng xe gắn máy hiệu Honda SH mỗi khi gặp mình. Do bị mẹ ruột đòi lại xe và sẽ không có xe để sử dụng nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của H để sử dụng. Ngày 17/9/2017, N ra tiệm tạp hoá gần nhà trọ mình mua 01 con dao gấp dài 20cm cán màu vàng dài 11cm, lưỡi kim loại màu trắng dài 09cm đem về nhà cất giữ.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/9/2017, N sử dụng số điện thoại X gọi điện và nhắn tin cho H qua số Y rủ H đi chơi và cả hai hẹn gặp nhau tại Công viên Z. Sau đó N điều khiển xe hiệu Wayman biển số 72H7 – 6284 đến Công viên gửi xe của mình và gặp H tại đây. Tiếp đó N điều khiển xe hiệu Honda SH, biển số: 59S2 – XXX.XX của H chở H đi chơi lòng vòng trên một số tuyến đường. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì N chở H đến đường N3 và D3, phường R thì N dừng xe để cả hai cùng trò chuyện và tâm sự. Do đã có ý định chiếm đoạt tài sản của H từ trước, lợi dụng lúc H đang ngồi trên yên xe và gọi điện thoại thì N vòng ra sau tay trái xiết cổ H, tay phải thò vào túi quần bên trái móc dao ra rồi kề dao vào cổ H và kêu H đưa chìa khoá. Lúc này H không đưa mà nhảy xuống xe làm con dao cứa vào cổ mình gây chảy máu và ngã xuống đất. Thấy vậy, N tiếp tục nhào theo làm con dao gấp lại cắt vào khúc giữa ngón tay cái của mình gây chảy máu và rút dao xuống đường. Lúc này H vùng ra bỏ chạy thì N tiếp tục đuổi theo H ôm lại, N nắm cổ áo H và kéo lại yêu cầu H đưa chìa khoá xe. Liền đó H cởi áo vứt xuống đất và vứt lại chìa khoá xe thì N lại lấy xe tẩu thoát còn H ôm vết thương chạy ra đường chặn xe thì gặp anh Đỗ Văn Nga đang điều khiển xe gắn máy chạy ngang thấy H bị thương nên đưa đến Bệnh viện B cấp cứu.

Sau khi chiếm đoạt được xe của anh H thì N chạy xe về nhà trọ của mình giấu và đón xe ôm ra khu vực Công viên Z để lấy xe gắn máy hiệu Wayman trước đó mình gửi mang về nhà trọ cất giấu. Đến sáng ngày 19/9/2017 N điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH mới chiếm đoạt được của H chạy về Tiền Giang gửi cho cha dượng là Trần Minh Đ và mẹ ruột là Huỳnh Ngọc H. Tại đây N nói với mẹ và cha dượng là xe này N mới mua. Sau đó N bắt xe quay lên Thành phố Hồ Chí Minh và mang chiếc xe hiệu Wayman về trả bà H. Đến ngày 20/9/2017, Công an Quận 2 mời N về làm việc để điều tra làm rõ. Tại đây thì Tăng Hồng N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 220/HĐĐGTS-TCKH ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 2 thì 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH, biển số: 59S2 – XXXXX (đã qua sử dụng) có giá trị 80.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu đòi bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với các kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 đã truy tố bị cáo Tăng Hồng N về tội “Cướp tài sản” theo Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Tăng Hồng N đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm uy hiếp tinh thần và gây thương tích 11% cho anh Nghiêm Xuân H để chiếm đoạt 01 (một) xe hiệu Honda SH, biển số: 59S2 – XXX.XX (đã qua sử dụng) trị giá 80.000.000 đồng. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Tăng

Hồng N đã phạm vào tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp dùng vũ khí nguy hiểm, gây thương tích cho người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đến dưới hai trăm triệu đồng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, cần phải xử lý trước pháp luật để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:

Xử phạt: Bị cáo Tăng Hồng N từ 08 đến 10 năm tù.

Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo đã rất ân hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi:

Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tăng Hồng N đã thừa nhận thực hiện vụ cướp như cáo trạng đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản định giá tài sản, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng ... và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Tăng Hồng N đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây nguy hiểm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người bị hại, gây hoang mang

dao động trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là thanh niên, có sức khỏe đủ điều kiện để trở thành người có ích cho xã hội, nhưng chỉ vì muốn có tiền mà không phải lao động, thích hưởng thụ bị cáo đã dùng vũ lực đối với người bị hại làm họ lâm vào tình trạng không kháng cự được để chiếm đoạt tài sản của họ, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 truy tố bị cáo theo Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt:

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm, gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đến dưới hai trăm triệu đồng, đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, do đó cần phải áp dụng để xử phạt bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) đôi dép kẹp màu xanh dương hiệu Morodo – 200 (đã qua sử dụng) của N rơi ở hiện trường của vụ án, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số Y mang tên Tăng Hồng N, sinh năm: 1988 cấp ngày 14/9/2015. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 đã trả lại cho bà Huỳnh Ngọc H là mẹ ruột của bị can N theo nguyện vọng của bị can là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu WAYMAN, biển số 72H7– XXXX (đã qua sử dụng) tạm giữ của N. Qua xác minh được biết xe trên do chị Vũ Thị Kim T trú tại: đường X, phường Y, quận Z, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là người đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Chị T là chị dâu của anh Trần Minh Đ và cho anh Đ chiếc xe trên để sử dụng. Quá trình sử dụng anh Đ có cho Tăng Hồng N mượn chiếc xe trên. Việc N sử dụng xe trên đi gây án anh Đ không biết. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 2 đã trả lại chiếc xe trên cho anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với: 01 (một) con dao gấp dài 20cm, cán màu vàng dài 11cm, lưỡi kim loại màu trắng dài 09cm. Xét đây là công cụ, phương tiện sử dụng để phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động Sony XPERIA E2353 màu đen (đã qua sử dụng) của N. Xét N dùng điện thoại này để liên lạc rủ anh H đi chơi với mục đích cướp tài sản của anh H, do đó đây là công cụ, phương tiện sử dụng để phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Tăng Hồng N** phạm tội “Cướp tài sản”.
- Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009:
Xử phạt bị cáo **Tăng Hồng N** 08 (tám) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2017.
2. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:
Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao gấp dài 20cm, cán màu vàng dài 11cm, lưỡi kim loại màu trắng dài 09cm.
Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Sony XPERIA E2353 màu đen (đã qua sử dụng)
(Theo quyết định cHển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 25/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2).
3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án:
Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.
4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- PC53-Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Thi hành án Dân sự Quận 2;
- Công an Quận 2;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đoàn Nam Hà